

ĐIỀU KIỆN ĐIỀU KHOẢN DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo văn bản số:.....)

ngày hiệu lực...../...../.....)

PHẦN I- CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

A. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THANH TOÁN THẺ TPBANK mPOS/ TPBANK SoftPOS

ĐIỀU 1. QUY ĐỊNH VỀ THIẾT BỊ CHẤP NHẬN THANH TOÁN THẺ

1. Đối với dịch vụ TPBank mPOS, ĐVCNT cam kết đạt mức doanh số giao dịch tối thiểu (mức giao dịch cam kết) quy định tại Giấy Đăng ký.
2. TPBank có quyền thay đổi doanh số giao dịch tối thiểu nêu trên vào bất cứ thời điểm nào và trước khi doanh số giao dịch tối thiểu mới được áp dụng sẽ gửi thông báo tới ĐVCNT bằng văn bản hoặc email hoặc website TPBank hoặc bất cứ hình thức thông báo nào TPBank cho là phù hợp. Sau khi nhận được thông báo từ TPBank, nếu ĐVCNT tiếp tục sử dụng Dịch vụ thì được hiểu rằng đồng ý với thay đổi mức doanh số này.
3. TPBank là chủ sở hữu đối với thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ và ĐVCNT phải bàn giao lại thiết bị cho TPBank theo đúng tình trạng bàn giao ban đầu ngay khi Hợp Đồng này hết hiệu lực hoặc khi TPBank ngừng cung cấp dịch vụ hoặc khi ĐVCNT ngừng sử dụng dịch vụ.
4. Điều kiện duy trì thiết bị hoạt động tại ĐVCNT:
 - a. ĐVCNT cam kết sử dụng thiết bị đúng mục đích theo quy định TPBank và các văn bản pháp luật liên quan nhằm đạt doanh số giao dịch tối thiểu trên các thiết bị hàng tháng.
 - b. TPBank có quyền thu hồi thiết bị trong trường hợp thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ hoạt động không hiệu quả theo đánh giá của TPBank từng thời kỳ. Trong trường hợp này, TPBank sẽ thông báo cho ĐVCNT trước tối thiểu 02 ngày làm việc bằng hình thức thông báo mà TPBank cho là phù hợp

ĐIỀU 2. QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN THẺ

Khi Người mua hàng sử dụng Thẻ để thanh toán hàng hoá và dịch vụ, ĐVCNT thực hiện các bước chấp nhận thanh toán thẻ theo đúng các quy định do TPBank cung cấp, trong đó phải kiểm tra:

1. Thẻ phải còn nguyên vẹn, không chấp vá, không có dấu hiệu của sự cạo sửa.
2. Mặt trước hoặc mặt sau của Thẻ Visa, MasterCard, JCB, UPI phải có chữ ký của Chủ thẻ. Phần chữ ký không được hỏng, rách, trầy xước hoặc có dấu hiệu sửa chữa, biến dạng ở bất kỳ đường nét nào.
3. Thời hạn hiệu lực in trên Thẻ để đảm bảo là Thẻ còn giá trị thanh toán.
4. Số, chữ in trên Thẻ phải được in đậm rõ ràng, không có bất kỳ dấu hiệu sửa chữa nào.
5. Các biểu tượng của tổ chức phát hành thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ, TCTQT.

6. Các quy định khác trong tài liệu dành cho ĐVCNT do TPBank cung cấp hoặc các thông báo cụ thể của TPBank.
7. Giao dịch chỉ được ghi nhận thành công khi hệ thống TPBank ghi nhận giao dịch là thành công và trạng thái giao dịch thể hiện trên thiết bị/ứng dụng thanh toán là Thành công. ĐVCNT chỉ giao hàng hóa, cung cấp dịch vụ nếu giao dịch thẻ được ghi nhận thành công. Trong mọi trường hợp khác, ĐVCNT phải liên hệ với Trung tâm Dịch vụ khách hàng của TPBank để nhận hướng dẫn xử lý.
8. Các hạn mức bao gồm: Hạn mức giao dịch, Hạn mức giao dịch của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo lần của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo ngày của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo tháng của ĐVCNT được TPBank quy định và thay đổi theo chính sách của TPBank theo từng thời kỳ.

ĐIỀU 3. QUY ĐỊNH VỀ ĐẶT CỌC, PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN THIẾT BỊ THANH TOÁN THẺ

1. Đặt cọc thiết bị

- a. ĐVCNT đồng ý rằng TPBank được toàn quyền tự động trích từ tài khoản thanh toán của ĐVCNT để thanh toán tiền đặt cọc thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ mPOS. Trường hợp tài khoản của ĐVCNT không có đủ số dư, ĐVCNT có trách nhiệm thanh toán tiền đặt cọc cho TPBank trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản từ TPBank.
- b. Toàn bộ số tiền đặt cọc thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ của ĐVCNT sẽ được TPBank hoàn trả cho ĐVCNT vào tài khoản thanh toán của ĐVCNT vào ngày 2 hoặc 5 hàng tháng sau khi ĐVCNT hoàn trả cho TPBank đầy đủ, đúng tình trạng thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ TPBank mPOS đã được TPBank bàn giao. Trường hợp các ngày nêu trên rơi vào ngày nghỉ, lễ tết thì việc hoàn trả tiền đặt cọc sẽ được TPBank thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

2. Phí tái thiết lập thiết bị chấp nhận thẻ

- a. ĐVCNT cam kết bảo đảm an toàn về các thiết bị mà TPBank đã lắp đặt cho ĐVCNT từ ngày lắp đặt đến ngày bàn giao lại cho TPBank (việc bàn giao thiết bị giữa các bên thực hiện bằng biên bản bàn giao giữa TPBank/Bên giao do TPBank chỉ định và Đại diện hợp pháp ĐVCNT hoặc cá nhân được ĐVCNT chỉ định nhận bàn giao thiết bị TPBank mPOS, ký biên bản bàn giao). ĐVCNT sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ mất mát hay hư hỏng không thuộc về lỗi kỹ thuật bao gồm những không giới hạn như:
 - Bị hỏng do rơi vỡ;
 - Bị hỏng do những hư hỏng do va đập hay ngoại lực tác động vào;
 - Bị hỏng do lắp đặt sử dụng điện áp không phù hợp với thiết bị;
 - Bị hỏng do môi trường sử dụng thiết bị không đảm bảo (nhiệt độ, độ ẩm cao, bụi bặm, rung, hư hỏng do côn trùng hay các loại động vật khác gây ra, các thiết bị kết nối không tương thích...);
 - Bị hỏng do sử dụng các loại thẻ không phù hợp;
 - Bị mất thiết bị (Đơn vị không giao nộp được thiết bị khi có yêu cầu của TPBank trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu);
- b. Khi Hợp Đồng Thanh Toán Thẻ bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì, ĐVCNT cam kết hoàn trả thiết bị cho TPBank trong tình trạng hoạt động tốt, thiết bị TPBank mPOS còn tem niêm phong, nhận dạng của nhà cung ứng thiết bị. Nếu thiết bị TPBank mPOS bị hỏng hóc, bị mất mát hoặc do sự bất cẩn của

ĐVCNT như đã nêu tại điểm (d) Khoản 2 Điều 3 Điều kiện điều khoản này, ĐVCNT phải bồi thường thiệt hại cho TPBank. Giá trị bồi thường được căn cứ theo giá trị còn lại của thiết bị sau khi trừ đi phần giá trị khấu hao thiết bị trong thời gian sử dụng theo biểu phí TPBank đã ban hành trong từng thời kỳ. Thời gian thực hiện bồi thường là 07 ngày làm việc kể từ ngày TPBank gửi thông báo đến ĐVCNT về việc yêu cầu ĐVCNT bồi thường. TPBank được tự động trích nợ từ tài khoản mà ĐVCNT đã đăng ký với TPBank tại Hợp Đồng Thanh Toán Thẻ mà ĐVCNT đã ký với TPBank và/hoặc các tài khoản khác của ĐVCNT mở tại TPBank để thu số tiền bồi thường này.

3. Phí sửa chữa thiết bị

ĐVCNT có trách nhiệm Quản lý, bảo vệ và sử dụng đúng mục đích thiết bị TPBank mPOS và các vật liệu đi kèm theo như Simcard, PIN, dây nguồn ... và phải giữ nguyên niêm phong, tem nhận dạng của nhà cung ứng thiết bị và/hoặc của TPBank. Đồng thời, ĐVCNT cam kết chịu trách nhiệm thanh toán chi phí sửa chữa thiết bị toàn bộ các thiệt hại phát sinh cho TPBank theo theo biểu phí TPBank đã ban hành trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN THANH TOÁN CHO ĐVCNT

- 1.** TPBank sẽ thanh toán cho ĐVCNT theo thời hạn như sau:
 - a. Cuối mỗi ngày trước 15h, ĐVCNT thực hiện lệnh quyết toán giao dịch. Đối với thẻ nội địa, sau khi ĐVCNT thực hiện thành công lệnh quyết toán giao dịch trên hệ thống TPBank, TPBank sẽ thực hiện thanh toán cho ĐVCNT. Các giao dịch thực hiện sau thời điểm thực hiện lệnh quyết toán sẽ được tính là giao dịch vào ngày hôm sau.
 - b. Với các giao dịch thực hiện từ thẻ nội địa do TPBank phát hành: hệ thống TPBank thực hiện thanh toán các giao dịch hợp lệ ngay sau khi giao dịch được thực hiện.
 - c. Với các giao dịch thực hiện từ thẻ nội địa do các TCPHT khác phát hành: Hệ thống TPBank thực hiện thanh toán các giao dịch hợp lệ cùng ngày giao dịch được quyết toán trước 15h.
 - d. Với các giao dịch thực hiện từ thẻ quốc tế: hệ thống TPBank thực hiện thanh toán cho các giao dịch hợp lệ vào ngày làm việc kế tiếp ngày giao dịch được quyết toán.
 - e. Các giao dịch bất thường, có dấu hiệu rủi ro hoặc nghi ngờ có hành vi gian lận, giả mạo, TPBank có quyền yêu cầu ĐVCNT cung cấp hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch, TPBank thực hiện thanh toán cho ĐVCNT trong vòng 2 ngày làm việc từ khi ĐVCNT cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ hoặc TPBank xác định không còn các dấu hiệu rủi ro/nghi ngờ gian lận/giả mạo.
- 2.** Trường hợp ngày thanh toán trùng vào ngày nghỉ/lễ, TPBank sẽ thanh toán cho ĐVCNT vào ngày làm việc tiếp theo.
- 3.** ĐVCNT có trách nhiệm thực hiện Lệnh quyết toán giao dịch thanh toán thẻ tại thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ của TPBank hàng ngày. Kiểm tra, rà soát và thực hiện tổng kết giao dịch gửi về TPBank không được quá 05 ngày kể từ ngày giao dịch. Các giao dịch quyết toán sau 5 ngày, TPBank cần giữ lại các giao dịch này 120 ngày theo quy định của các Tổ chức thẻ Quốc tế.
- 4.** TPBank có quyền từ chối tạm ứng/thanh toán cho ĐVCNT đối với những giao dịch quá thời hạn nêu trên.

B. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THANH TOÁN QUA MÃ QR TPBANK QUICKPAY

ĐIỀU 5. QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUA MÃ QR TPBANK QUICKPAY

Người sử dụng thực hiện các bước thanh toán giao dịch trên Ứng dụng thanh toán tuân theo đúng hướng dẫn và quy định của TPBank, đặc biệt lưu ý:

- 1.** Giao dịch chỉ được ghi nhận thành công khi hệ thống TPBank ghi nhận giao dịch là thành công và trạng thái giao dịch thể hiện trên ứng dụng thanh toán là Thành công. ĐVCNT chỉ giao hàng hóa, cung cấp dịch vụ nếu giao dịch thẻ được ghi nhận thành công. Trong mọi trường hợp khác, ĐVCNT phải liên hệ với Trung tâm Dịch vụ khách hàng của TPBank để nhận hướng dẫn xử lý.
- 2.** Các hạn mức bao gồm: Hạn mức giao dịch, Hạn mức giao dịch của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo lần của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo ngày của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo tháng của ĐVCNT được TPBank quy định và thay đổi theo chính sách của TPBank theo từng thời kỳ.

ĐIỀU 6. THỜI HẠN HẠCH TOÁN CHO ĐVCNT

Thời điểm hạch toán cho ĐVCNT là thời điểm giao dịch được xác định thành công trên hệ thống TPBank

PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN/ QUY ĐỊNH CHUNG VỀ DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THANH TOÁN

ĐIỀU 7. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Các từ ngữ sử dụng trong Điều khoản và Điều kiện này được hiểu như sau:

- 1. Dịch vụ Chấp nhận thanh toán (Dịch vụ):** là dịch vụ của TPBank, do TPBank cung cấp cho ĐVCNT căn cứ trên Giấy Đăng ký kiêm Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán và Điều kiện điều khoản này, đã được ký kết giữa TPBank và ĐVCNT. Dịch vụ Chấp nhận thanh toán bao gồm:
 - a. Dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank mPOS:** là dịch vụ/giải pháp chấp nhận thanh toán thẻ thông qua thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ TPBank mPOS do TPBank triển khai và cung cấp cho ĐVCNT theo Điều khoản và Điều kiện này và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank .
 - b. Dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank SoftPOS:** là dịch vụ/giải pháp chấp nhận thanh toán thẻ thông qua thiết bị chấp nhận thẻ TPBank SoftPOS do TPBank triển khai và cung cấp cho ĐVCNT theo Điều khoản và Điều kiện này và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank .
 - c. Dịch vụ Chấp nhận thanh toán qua mã QR (TPBank QuickPay):** là dịch vụ chấp nhận thanh toán thông qua mã QR trên ứng dụng TPBank QuickPay do TPBank triển khai và cung cấp cho ĐVCNT theo Điều khoản và Điều kiện này và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank.
- 2. Giấy Đăng ký kiêm Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán (Giấy Đăng ký):** là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Ngân hàng và Khách hàng về việc sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ qua TPBank mPOS, TPBank SoftPOS và dịch vụ chấp nhận thanh toán qua mã QR (TPBank QuickPay), bao gồm Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán và Điều kiện, điều khoản dịch vụ chấp nhận thanh toán, tạo thành một Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán TPBank (gọi tắt là Hợp Đồng).
- 3. Điều khoản và Điều kiện (ĐKĐK):** là Điều khoản, điều kiện dịch vụ chấp nhận thanh toán này.

4. **Ngân hàng/NH/TPBank:** Là ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank), thực hiện cung cấp dịch vụ thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
5. **Khách hàng/ Đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNT):** Các cá nhân/doanh nghiệp/Hộ kinh doanh và có trụ sở/cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh (địa chỉ kinh doanh rõ ràng, có biển hiệu, hoặc/và có giấy phép đăng ký kinh doanh) và hoạt động kinh doanh phù hợp với Pháp luật Việt Nam, có kinh doanh hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ hợp pháp tại Việt Nam, sử dụng dịch vụ Chấp nhận thanh toán TPBank mPOS, TPBank SoftPOS và/ hoặc dịch vụ TPBank QuickPay trong việc chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ giữa ĐVCNT và người mua hàng
6. **Người mua hàng/Chủ thẻ:** Người sử dụng hàng hóa/ dịch vụ của ĐVCNT và thực hiện thanh toán thông qua các phương thức thanh toán của TPBank, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank mPOS, TPBank SoftPOS và dịch vụ TPBank QuickPay bằng thẻ thanh toán quốc tế, nội địa.
7. **Ứng dụng thanh toán (TPBank mPOS, TPBank SoftPOS, TPBank QuickPay):** là các ứng dụng do TPBank phát triển và được cài đặt trên thiết bị di động của ĐVCNT để phục vụ tính năng thanh toán qua TPBank
8. **Thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ:** là thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ do TPBank cung cấp (đối với dịch vụ TPBank mPOS) hoặc thiết bị di động của khách hàng được cài đặt ứng dụng TPBank SoftPOS (đối với dịch vụ TPBank SoftPOS). Thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ dùng để ghi nhận, thực hiện các giao dịch thanh toán bằng thẻ của khách hàng do TPBank cung cấp cùng dịch vụ TPBank mPOS, TPBank SoftPOS, có khả năng chấp nhận thẻ thanh toán quốc tế, nội địa.
9. **Hệ thống TPBank:** là hệ thống quản lý các dịch vụ thanh toán của TPBank, bao gồm dịch vụ Chấp nhận thanh toán thẻ (TPBank mPOS/ TPBank SoftPOS) và dịch vụ TPBank Quickpay
10. **Tài khoản đăng nhập:** là tài khoản đăng nhập ứng dụng thanh toán hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ do TPBank cung cấp cho ĐVCNT.
11. **Mật khẩu đăng nhập:** là dãy ký tự sử dụng để đăng nhập các ứng dụng thanh toán do TPBank cung cấp cho ĐVCNT. Mật khẩu đăng nhập ban đầu là dãy số ngẫu nhiên do TPBank cung cấp, ĐVCNT phải đổi mật khẩu trong lần đầu tiên đăng nhập ứng dụng thanh toán.
12. **Tài khoản của ĐVCNT:** là tài khoản thanh toán của ĐVCNT mở tại TPBank hoặc tài khoản thanh toán của người đại diện hợp pháp của ĐVCNT (trường hợp ĐVCNT là doanh nghiệp)/chủ Hộ kinh doanh (trường hợp ĐVCNT là Hộ kinh doanh)/Cá Nhân mở tại TPBank để ĐVCNT nhận thanh toán từ các dịch vụ chấp nhận thanh toán của TPBank, đồng thời là tài khoản để TPBank thu phí giao dịch, phí quản lý phát sinh từ việc sử dụng các dịch vụ Chấp nhận thanh toán theo Hợp Đồng. Mỗi dịch vụ tương ứng với 01 tài khoản thanh toán khác nhau của ĐVCNT mở tại TPBank
13. **Hạn mức giao dịch:** là giá trị tối đa của mỗi giao dịch mà TPBank/TCPHT cho phép Người mua hàng có quyền quyết định việc thực hiện thanh toán.
14. **Hạn mức giao dịch của ĐVCNT:** là giá trị tối đa của giao dịch mà TPBank cho phép ĐVCNT thực hiện việc chấp nhận thanh toán.
15. **Hạn mức giao dịch theo lần của ĐVCNT:** là giá trị tối đa của từng giao dịch mà TPBank cho phép ĐVCNT thực hiện việc chấp nhận thanh toán.
16. **Hạn mức giao dịch theo ngày của ĐVCNT:** là giá trị tối đa của giao dịch trong một ngày mà TPBank cho phép ĐVCNT thực hiện việc chấp nhận thanh toán.

- 17. Hạn mức giao dịch theo tháng của ĐVCNT:** là giá trị đối đa của giao dịch trong một tháng mà TPBank cho phép ĐVCNT thực hiện việc chấp nhận thanh toán.
- 18. Giao dịch gian lận, giả mạo:** là giao dịch xảy ra khi việc sử dụng Thẻ hoặc thông tin về Thẻ được dùng để mua hàng hóa, dịch vụ mà không được sự cho phép của Chủ thẻ và/ hoặc trái quy định của pháp luật và của các TCPHT, tổ chức thẻ quốc tế. Việc xác định giao dịch gian lận/ giả mạo dựa trên các thông tin tra soát khiếu nại của Chủ thẻ hoặc dựa trên các báo cáo giả mạo, các thông báo của TCPHT, thông báo của các Tổ chức thẻ quốc tế hoặc dựa trên kết luận điều tra, xác minh của cơ quan chức năng.
- 19. Mã số chuẩn chi/ Mã chuẩn chi:** là dãy số riêng biệt mà TPBank hoặc TCPHT cấp cho mỗi giao dịch thẻ được phép thực hiện.
- 20. Biên lai thanh toán:** là biên lai điện tử hoặc biên lai giấy có đầy đủ các thông tin về giao dịch theo quy định của TPBank.
- 21. Hóa đơn thanh toán:** là hóa đơn/chứng từ thể hiện hoạt động kinh doanh/mua bán hàng hóa dịch vụ do ĐVCNT cung cấp cho chủ thẻ sau khi thực hiện giao dịch thành công thông qua dịch vụ Chấp nhận thanh toán của TPBank, trong đó thể hiện rõ nội dung giao dịch, giá trị giao dịch, thông tin cửa hàng và thông tin xác nhận của chủ thẻ.
- 22. Lệnh quyết toán giao dịch:** là lệnh thanh quyết toán giao dịch thanh toán thẻ mà ĐVCNT gửi về TPBank để yêu cầu thanh toán. Lệnh quyết toán giao dịch được thực hiện trên thiết bị/ ứng dụng chấp nhận thanh toán của TPBank và/ hoặc cổng quản trị của TPBank cung cấp cho ĐVCNT.
- 23. Tra soát:** là yêu cầu của Chủ thẻ/ĐVCNT/TCTT khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch thẻ và cung cấp bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của Hóa đơn thanh toán, hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ và các chứng từ khác theo yêu cầu của TPBank để kiểm tra tính xác thực của giao dịch thẻ đã thực hiện.
- 24. Truy đòi:** là việc TPBank thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tiền đã thanh toán cho ĐVCNT và các khoản chi phí phát sinh (nếu có).
- 25. Giao dịch hủy/Hủy giao dịch/VOID:** là việc hủy bỏ giao dịch thẻ thực hiện trước đó tại ĐVCNT.
- 26. Phí giao dịch:** là phí giao dịch thanh toán tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch được thực hiện thông qua các dịch vụ Chấp nhận thanh toán của TPBank. Biểu phí theo quy định của TPBank theo từng thời kỳ.
- 27. Phí quản lý dịch vụ:** là khoản phí tính trên từng tháng đối với mỗi Thiết bị chấp nhận thanh toán mà TPBank đã cấp cho ĐVCNT. Biểu phí theo quy định của TPBank theo từng thời kỳ.dd
- 28. Ngày:** là ngày làm việc theo quy định của TPBank nhưng không bao gồm ngày nghỉ lễ, Tết, ngày nghỉ bù, ngày nghỉ hoán đổi theo quy định pháp luật/ Nhà nước và của TPBank.
- 29. Ngày thực hiện giao dịch (Transaction Date):** Là ngày thực hiện giao dịch, được thể hiện trên dữ liệu giao dịch của hệ thống.
- 30. Ngày xử lý giao dịch (Transaction Processing Date):** Là ngày giao dịch được cập nhật vào hệ thống của TPBank sau khi TPBank thực hiện chốt số liệu với các tổ chức thẻ trong nước và quốc tế.
- 31. Kỳ thanh toán:** Là ngày mà TPBank thực hiện thanh toán cho ĐVCNT các giao dịch của các ngày giao dịch trước ngày thực hiện thanh toán.
- 32. Thẻ/Thẻ thanh toán:** bao gồm thẻ trả trước, thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng của Khách hàng do TPBank và/hoặc các tổ chức phát hành thẻ phát hành cho Khách hàng mang biểu tượng Napas và thẻ quốc

tế mang biểu tượng Visa, MasterCard, JCB, UPI và được TPBank chấp nhận thanh toán. Loại thẻ được chấp nhận thanh toán theo quy định từng thời kỳ của TPBank

- 33. Thẻ contactless (thẻ không tiếp xúc):** là các thẻ có biểu tượng contactless (không tiếp xúc) hoặc các thẻ được nhúng vào thiết bị thông minh của chủ thẻ có hỗ trợ contactless (Samsung Pay, Apple Pay ...).
- 34. Giao dịch thẻ/Giao dịch:** là việc Chủ thẻ sử dụng Thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ được cung ứng bởi ĐVCNT.
- 35. Giao dịch thẻ contactless:** là giao dịch thẻ có xuất trình thẻ nhưng không có sự tiếp xúc trực tiếp với khe từ hoặc khe chip của thiết bị chấp nhận thẻ.
- 36. Tổ chức phát hành thẻ (TCPHT):** là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác được thực hiện phát hành thẻ theo quy định của pháp luật.
- 37. Tổ chức thanh toán thẻ (TCTTT):** là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác được thực hiện thanh toán thẻ theo quy định của pháp luật.
- 38. Tổ chức thẻ quốc tế (TCTQT):** là tổ chức được thành lập, hoạt động tại nước ngoài có thỏa thuận với TCPHT, TCTTT và/hoặc các bên liên quan để hợp tác về hoạt động thẻ đối với các thẻ có mã tổ chức phát hành thẻ (BIN) do TCTQT cấp hoặc của quốc gia khác.
- 39. Số thẻ:** là dãy số do TCPHT tạo ra cho mỗi Thẻ. Số thẻ được in nổi hoặc in chìm trên Thẻ.
- 40. Thời hạn hiệu lực của Thẻ:** là thời hạn Chủ thẻ được phép sử dụng thẻ và được in trên Thẻ.
- 41. Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number – PIN):** là mã số mật được TCPHT cấp cho chủ thẻ lần đầu và sau đó chủ thẻ thay đổi theo quy trình được xác định để sử dụng trong các giao dịch thẻ.
- 42. Tap to phone/Tap on phone/Tap on mobile:** là tính năng chấp nhận thanh toán thẻ contactless thông qua việc sử dụng thiết bị di động có hỗ trợ chip NFC (Near Field Communication - công nghệ giao tiếp trường gần) và đã được cài đặt ứng dụng TPBank SoftPOS. Theo đó, Chủ thẻ khi thanh toán giao dịch qua ứng dụng TPBank SoftPOS, chủ thẻ xuất trình thẻ tiếp xúc với thiết bị di động của ĐVCNT theo hướng dẫn sử dụng ứng dụng TPBank SoftPos do TPBank cung cấp cho ĐVCNT mà không cần quẹt thẻ như máy POS thông thường.
- 43. Thu hồi:** là việc ĐVCNT trả lại thiết bị Chấp nhận thanh toán cho TPBank theo các quy định tại Hợp Đồng này.
- 44. Tính năng Chấp nhận thanh toán qua mã QR:** Là tính năng cho phép ĐVCNT nhận tiền từ thẻ trả trước TPBank QuickPay của người mua hàng trên ứng dụng TPBank QuickPay thông qua mã QR do TPBank cung cấp cho ĐVCNT. Nguồn tiền thanh toán thông qua thẻ trả trước TPBank Quickpay hoặc Nạp tiền từ thẻ thanh toán vào thẻ trả trước TPBank Quickpay.
- 45. Mã QR/QR Code:** Là mã vạch ma trận có chứa các thông tin đã được mã hóa được khởi tạo trên ứng dụng TPBank QuickPay. Mã QR trên ứng dụng bao gồm các loại mã do: TPBank cung cấp, đối tác trong nước cung cấp, đối tác quốc tế cung cấp. Mã QR có thể chứa thông tin cửa hàng và số tài khoản thanh toán hoặc thông tin hàng hóa/ dịch vụ, giá tiền của điểm chấp nhận thanh toán.
- 46. Thẻ trả trước TPBank QuickPay (Thẻ QuickPay):** là thẻ trả trước nội địa phi vật lý TPBank cung cấp cho người dùng sử dụng tính năng QuickPay. TPBank cho phép người sử dụng thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá trị tiền đã nạp vào thẻ trả trước này. Thẻ trả trước TPBank QuickPay bao gồm: thẻ trả trước định danh (có các thông tin định danh chủ thẻ) và thẻ trả trước vô danh (không

có các thông tin định danh chủ thẻ) và mọi giao dịch trên thẻ trả trước vô danh này tại mọi thời điểm không được quá 5,000,000 VNĐ (năm triệu đồng).

47. Người sử dụng: là người đại diện cho ĐVCNT trực tiếp thao tác, thực hiện chấp nhận thanh toán trên thiết bị/ ứng dụng của TPBank.

ĐIỀU 8. NGUYÊN TẮC CHUNG

- 1.** ĐVCNT cam kết thực hiện đúng, tuân thủ các nội dung của Hợp Đồng này, cũng như các quy định, thông báo khác của TPBank có liên quan đến việc chấp nhận thanh toán qua TPBank.
- 2.** ĐVCNT cam kết và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các hàng hóa, dịch vụ mà ĐVCNT kinh doanh và/ hoặc cung ứng cho Chủ thẻ. ĐVCNT thực hiện cung cấp các tài liệu chứng minh hoạt động kinh doanh của ĐVCNT là hợp pháp khi ký kết Hợp Đồng này. TPBank có quyền từ chối thanh toán các giao dịch được xác định/chứng minh vi phạm điều khoản này.
- 3.** ĐVCNT đồng ý chấp nhận cho Người mua hàng thanh toán giá trị hàng hóa/ dịch vụ thông qua các dịch vụ chấp nhận thanh toán của TPBank theo quy định của Hợp Đồng này. ĐVCNT cam kết không thực hiện quảng cáo, chào hàng hoặc bất kỳ hình thức giới thiệu nào khác nhằm khuyến khích Chủ thẻ/ Người mua hàng thay đổi hình thức thanh toán sang hình thức thanh toán khác.
- 4.** ĐVCNT cam kết không phân biệt đối xử với Chủ thẻ/ Người mua hàng khi sử dụng Thẻ để thanh toán hàng hoá dịch vụ, không thu thêm tiền hoặc bất kỳ loại phí hoặc phụ phí nào, cũng như không áp dụng giá cao hơn đối với các hàng hoá dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ
- 5.** Trong trường hợp có những ưu đãi đặc biệt như giảm giá hay tặng quà khuyến mại, ĐVCNT cam kết cân nhắc việc cũng dành cho các Chủ thẻ/ Người mua hàng những ưu đãi đó.
- 6.** Nếu ĐVCNT thu thêm tiền, phí, phụ phí hay tăng giá hàng hoá dịch vụ đối với Chủ thẻ/ Người mua hàng do Chủ thẻ/ Người mua hàng thanh toán bằng Thẻ thì ĐVCNT có trách nhiệm hoàn trả số tiền chênh lệch giá, phụ phí đã thu trái quy định cho Chủ thẻ/ Người mua hàng hoặc hoàn trả cho Chủ thẻ/ Người mua hàng thông qua TPBank.
- 7.** ĐVCNT cam kết chỉ thực hiện thanh toán Thẻ cho mục đích thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ hợp pháp do ĐVCNT cung ứng cho Chủ thẻ/ Người mua hàng, không ứng tiền mặt cho Chủ thẻ/ Người mua hàng, không chấp nhận thanh toán Thẻ cho bất kỳ giao dịch nào (thanh toán nợ, rút tiền mặt...) không phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa Chủ thẻ/ Người mua hàng với ĐVCNT, không chấp nhận thanh toán cho các giao dịch thẻ bất hợp pháp, giao dịch thẻ gian lận, giả mạo, giao dịch thanh toán khống và không thực hiện thanh toán Thẻ hộ cho đơn vị khác. Đồng thời ĐVCNT cam kết không chấp nhận thanh toán Thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- 8.** ĐVCNT cam kết không tự ý thu phí, phụ phí, chênh lệch giá của Chủ thẻ/ Người mua hàng đối với giao dịch thanh toán qua thiết bị chấp nhận thanh toán Thẻ/TPBank QuickPay của TPBank
- 9.** ĐVCNT cam kết không chuyển thiết bị chấp nhận thẻ của TPBank (mPOS và/ hoặc SoftPOS) hoặc mã QR của TPBank QuickPay cho bên khác sử dụng; không sử dụng trái phép các thiết bị chấp nhận thẻ TPBank mPOS/ SoftPOS và mã QR của TPBank QuickPay. ĐVCNT cam kết không xâm

nhập hoặc tìm cách xâm nhập trái phép, phá hủy chương trình hoặc cơ sở dữ liệu của ứng dụng thanh toán của TPBank.

10. ĐVCNT cam kết không lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ/mã QR hoặc tiết lộ và cung cấp thông tin thẻ, chủ thẻ và giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật; cũng như không mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ. ĐVCNT đồng ý tự chịu trách nhiệm cho mọi rủi ro thiệt hại phát sinh từ việc lộ thông tin thẻ/mã QR, thông tin chủ thẻ/mã QR.
11. ĐVCNT cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp, quy trình để bảo mật thông tin chủ thẻ/mã QR/thông tin giao dịch thẻ, phát hiện gian lận, giả mạo trong thanh toán thẻ
12. ĐVCNT cam kết chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh tại ĐVCNT hoặc bồi thường toàn bộ thiệt hại cho TPBank hoặc Chủ thẻ/ Người mua hàng nếu ĐVCNT không thực hiện đúng các nội dung Hợp Đồng này, cũng như các quy định, thông báo khác có liên quan đến việc chấp nhận thanh toán của TPBank.
13. Dịch vụ được TPBank cung cấp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và kết nối Internet và TPBank không đảm bảo việc cung cấp Dịch vụ một cách liên tục và không bị gián đoạn. Vì thế, mặc dù ĐVCNT có thể sử dụng Dịch vụ vào mọi thời điểm, ĐVCNT đồng ý rằng tại một số thời điểm nhất định có thể sẽ không truy cập, sử dụng, thực hiện được một số hoặc tất cả các Dịch vụ do việc bảo trì hệ thống hoặc vì bất kỳ lý do nào khác. ĐVCNT đồng ý miễn trừ và TPBank được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp giao dịch thiết lập trên ứng dụng thanh toán của TPBank không thực hiện được vì các lý do trên.

ĐIỀU 9. QUY ĐỊNH VỀ TÀI KHOẢN ĐĂNG NHẬP, MẬT KHẨU ĐĂNG NHẬP ỨNG DỤNG VÀ THIẾT BỊ CHẤP NHẬN THANH TOÁN

1. TPBank sẽ khởi tạo và cung cấp tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập Ứng dụng thanh toán cho ĐVCNT tới địa chỉ email do ĐVCNT chỉ định tại Giấy Đăng ký sau khi ĐVCNT và TPBank ký kết Hợp Đồng này. ĐVCNT có trách nhiệm thay đổi mật khẩu trong lần đăng nhập đầu tiên và chịu trách nhiệm bảo vệ thông tin tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, đồng thời tự chịu trách nhiệm cho mọi rủi ro, thiệt hại phát sinh nếu tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập bị tiết lộ, giả mạo, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép.
2. TPBank là chủ sở hữu đối với thiết bị chấp nhận thẻ và các Ứng dụng thanh toán và có quyền thu hồi cũng như ngừng cung cấp dịch vụ trong trường hợp TPBank đánh giá ĐVCNT hoạt động không hiệu quả. TPBank sẽ thông báo tới ĐVCNT bằng văn bản hoặc email hoặc website TPBank hoặc bất cứ hình thức thông báo nào TPBank cho là phù hợp.
3. ĐVCNT có trách nhiệm trả phí dịch vụ, phí quản lý cho TPBank và đồng ý cho TPBank toàn quyền tự động trích từ Tài khoản thanh toán của ĐVCNT để thu phí dịch vụ, phí quản lý cho TPBank.
4. ĐVCNT cam kết sử dụng thiết bị, ứng dụng và dịch vụ Chấp nhận thanh toán của TPBank đúng mục đích theo quy định của TPBank và các quy định pháp luật liên quan.
5. ĐVCNT cam kết bảo quản ở nơi an toàn, giữ gìn cẩn thận các thiết bị chấp nhận thanh toán Thẻ và các nhãn hiệu thương mại, các ấn phẩm quảng cáo, nhận diện chấp nhận thanh toán thẻ do TPBank cung cấp phục vụ cho việc chấp nhận thanh toán Thẻ.

6. ĐVCNT đồng ý rằng thiết bị chấp nhận thẻ, ứng dụng thanh toán là tài sản của TPBank và không cho phép bất cứ bên thứ ba nào khác sử dụng khi chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của TPBank.
7. ĐVCNT cam kết tự chịu trách nhiệm về việc tự cài đặt, duy trì trong việc truy cập ứng dụng thanh toán để sử dụng Dịch vụ, thường xuyên cập nhật các chương trình diệt virus, duy trì một tài khoản với một nhà cung cấp dịch vụ mạng để Chủ thẻ có thể truy cập các Dịch vụ.
8. ĐVCNT đồng ý rằng TPBank không chịu trách nhiệm về các rủi ro liên quan đến thiết bị chấp nhận thanh toán đã bị bẻ khóa (jailbreak hoặc rooting). TPBank không chịu trách nhiệm về việc mất dữ liệu, phần mềm, hỏng hóc thiết bị di động truy cập, hỏng/đứt/sự cố kết nối mạng di động, các virus, can thiệp phần mềm trái phép, lộ thông tin của Người mua hàng trong quá trình Người mua hàng sử dụng Dịch vụ.

ĐIỀU 10. QUY ĐỊNH VỀ CHẤP NHẬN THANH TOÁN HÀNG HÓA DỊCH VỤ TẠI ĐVCNT

1. Đối với Người mua hàng thực hiện giao dịch lớn, nhiều giao dịch, nhiều thẻ, giao dịch chủ thẻ là người nước ngoài..., ĐVCNT cần lưu thêm các giấy tờ có giá trị xác nhận nhân thân chủ thẻ như: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Bằng lái xe, thị thực (nếu có).
2. ĐVCNT ngừng giao dịch khi phát hiện thái độ khả nghi của người cầm thẻ như: mang nhiều loại thẻ với thông tin chủ thẻ khác nhau; thẻ liên tục báo lỗi; đặc biệt là lỗi Không được chấp nhận thẻ/ Do not honour / Thẻ bị ngân hàng phát hành thẻ từ chối giao dịch; chủ thẻ lựa chọn nhiều hàng hóa có tính thanh khoản nhanh, giá trị lớn, không quan tâm đến giá ...
3. ĐVCNT không cố tình chia nhỏ giá trị giao dịch, trừ khi Người mua hàng thanh toán một phần giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ bằng hình thức thanh toán không phải thẻ/mã QR (tiền mặt, chuyển khoản ...) trên cơ sở có các chứng từ ghi nhận cụ thể phương thức thanh toán nêu trên, ví dụ: điều khoản thanh toán của hợp đồng, biên lai thu tiền ghi rõ các thông tin về đơn hàng, số tiền chi trả qua các hình thức thanh toán, có chữ ký xác nhận của chủ thẻ.
4. Nếu giao dịch mua bán hàng hoá dịch vụ được thanh toán tiền sau, người mua hàng được yêu cầu trả một khoản ký quỹ và sẽ tất toán khi nhận được hàng hoá hoặc dịch vụ. Với trường hợp này, ĐVCNT đảm bảo Người mua hàng sẽ phải thực hiện giao dịch và ký tên xác nhận giao dịch cho mỗi lần thanh toán và Người mua hàng phải ký trên các chứng từ liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ toàn bộ giá trị giao dịch đã được thực hiện.

ĐIỀU 11. QUY ĐỊNH VỀ BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

1. ĐVCNT đồng ý trả cho TPBank khoản Phí giao dịch và phí quản lý dịch vụ theo thỏa thuận. Các loại phí này được tính như sau:
 - a. Phí giao dịch: tính theo phần trăm giá trị toàn bộ các Giao dịch thẻ đã thực hiện qua thiết bị chấp nhận thanh toán/ Ứng dụng thanh toán
 - b. Phí quản lý dịch vụ TPBank: được tính hàng tháng khi ĐVCNT sử dụng dịch vụ trên số lượng thiết bị tương ứng với mỗi loại dịch vụ mà ĐVCNT đã đăng ký với TPBank
2. Mức Phí giao dịch cho từng loại Thẻ/ QR và mức phí Quản lý dịch vụ được quy định trên Giấy đăng ký. TPBank có quyền thay đổi các mức phí, loại phí áp dụng vào bất cứ thời điểm nào và thực hiện

việc gửi thông báo cho ĐVCNT thông qua gửi tin nhắn đến điện thoại, gửi email đến địa chỉ email của ĐVCNT đã đăng ký với TPBank hoặc thông báo trên Website của TPBank. Việc ĐVCNT tiếp tục sử dụng dịch vụ sau khi nhận được thông báo về mức phí của TPBank được xem là ĐVCNT đồng ý với việc thay đổi về phí này.

ĐIỀU 12. QUY ĐỊNH VỀ HẠCH TOÁN CHO ĐVCNT

- 1.** ĐVCNT cam kết mở tài khoản thanh toán của ĐVCNT tại TPBank và đăng ký tài khoản thanh toán này cho dịch vụ Chấp nhận thanh toán, đồng thời cam kết sử dụng tài khoản này phù hợp với quy định của pháp luật liên quan đến kế toán, thuế và đảm bảo được tính hợp pháp, hợp lệ của giao dịch thẻ đối với hoạt động của ĐVCNT.
- 2.** Toàn bộ dữ liệu Giao dịch của ĐVCNT được truyền về TPBank ngay trong ngày giao dịch thông qua hệ thống kết nối với Ứng dụng thanh toán. Trước mỗi kỳ thanh toán cho ĐVCNT, TPBank sẽ thực hiện đối soát dữ liệu trên hệ thống TPBank và dữ liệu thanh toán thực tế từ các hệ thống xử lý thanh toán.
- 3.** ĐVCNT cam kết chỉ định tài khoản của ĐVCNT được quy định tại Giấy Đăng ký để TPBank thực hiện thanh toán giao dịch vào tài khoản chỉ định của ĐVCNT giá trị của các hóa đơn thanh toán hợp lệ sau khi trừ đi khoản Phí giao dịch và phí quản lý dịch vụ như quy định tại Giấy Đăng ký và khoản thuế giá trị gia tăng, thuế, phí khác có liên quan.

Giá trị thanh toán căn cứ vào phần kết quả dữ liệu ghi nhận trên các hệ thống của TPBank. Giao dịch phải được ĐVCNT thực hiện lệnh quyết toán thành công tại thiết bị/Ứng dụng thanh toán và truyền thông tin về hệ thống của TPBank với trạng thái Đã quyết toán.

Có 2 cách thức ghi nhận giá trị thanh toán:

- Ghi Có nguyên giá trị giao dịch và ghi Nợ phần phí thu giao dịch của ĐVCNT.
- Ghi Có giá trị còn lại giao dịch sau khi lấy nguyên giá trị giao dịch trừ đi phần phí giao dịch của ĐVCNT.

Dữ liệu ghi nhận tại hệ thống của TPBank là gốc và việc thanh toán dựa trên dữ liệu của TPBank.

- 4.** TPBank có quyền yêu cầu ĐVCNT cung cấp bộ chứng từ cho các giao dịch có giá trị từ 50 triệu đồng (hoặc tương đương) trở lên, các giao dịch chia tách giá trị hoặc các giao dịch được TPBank xác định có tiềm ẩn rủi ro trước khi thanh toán cho ĐVCNT. Bộ chứng từ bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng, hoặc hóa đơn giao hàng hoặc hóa đơn bán lẻ (loại hóa đơn sẽ được quy định trong từng trường hợp cụ thể); Trong đó:
 - a. Hóa đơn/chứng từ phải ghi rõ tên ĐVCNT, địa chỉ ĐVCNT, trùng khớp với tên, địa chỉ đã đăng ký với TPBank; hóa đơn/chứng từ đủ chữ ký của người mua hàng; ghi rõ nội dung hàng hóa/dịch vụ mua bán; số tiền thanh toán trên hóa đơn phải khớp hoặc lớn hơn số tiền giao dịch thanh toán; thời gian thanh toán trên hóa đơn/chứng từ phải khớp với thời gian giao dịch thanh toán qua Dịch vụ chấp nhận thanh toán.
 - b. ĐVCNT chịu hoàn toàn trách nhiệm với tính chính xác của hóa đơn/chứng từ cung cấp cho TPBank; TPBank có quyền từ chối thanh toán cho ĐVCNT trong trường hợp TPBank xác định ĐVCNT cung cấp hóa đơn/chứng từ không chính xác. Trong trường hợp ĐVCNT không cung cấp được đầy đủ

bộ chứng từ theo yêu cầu, TPBank có quyền giữ lại khoản thanh toán của ĐVCNT trong thời gian tối thiểu 540 ngày làm việc.

5. Trong trường hợp TPBank yêu cầu xuất trình hóa đơn thanh toán/bán hàng/hóa đơn bán lẻ,..., nếu ĐVCNT không cung cấp hóa đơn thanh toán tới TPBank trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của TPBank, ĐVCNT cam kết để TPBank thực hiện quyền truy đòi đầy đủ số tiền đã thanh toán cho ĐVCNT liên quan đến giao dịch và các chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch, trừ trường hợp ĐVCNT và TPBank có thỏa thuận khác bằng văn bản.
6. Trừ trường hợp ĐVCNT và TPBank có thỏa thuận khác bằng văn bản, khi có yêu cầu của TPBank về việc cung cấp hóa đơn, chứng từ để xử lý tra soát, khiếu nại của chủ thẻ ngân hàng khác cũng như chủ thẻ do TPBank phát hành về các giao dịch đã thực hiện qua thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ/mã QR tại ĐVCNT, ĐVCNT có trách nhiệm cung cấp các hóa đơn/chứng từ thể hiện hoạt động kinh doanh/mua bán hàng hóa dịch vụ do ĐVCNT cung cấp cho chủ thẻ như hóa đơn giao hàng/hóa đơn bán lẻ/hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có) ... theo yêu cầu của TPBank trong phạm vi 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của TPBank
 - a. Trường hợp nhận được yêu cầu cung cấp hóa đơn/chứng từ bổ sung, ĐVCNT có trách nhiệm gửi cho TPBank trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của TPBank.
 - b. Trường hợp ĐVCNT không cung cấp được các hóa đơn/chứng từ, chứng cứ liên quan chứng minh giao dịch được thực hiện là có thực, hợp lệ, hợp pháp; hoặc việc cung cấp hóa đơn/chứng từ, chứng cứ của ĐVCNT chậm so với thời hạn quy định nói trên, TPBank sẽ tự động ghi nợ tài khoản của ĐVCNT số tiền giao dịch bị khiếu nại / đảo chi giao dịch và các khoản chi phí phát sinh khác (nếu có).
 - c. Trong mọi trường hợp, sau khi tra soát, nếu có bất kỳ khoản tiền nào bị ghi có/ghi nợ nhằm dẫn đến gây thiệt hại cho TPBank bao gồm nhưng không giới hạn do lỗi của ĐVCNT hoặc nhân viên thu ngân hoặc đại diện kinh doanh của ĐVCNT thì ĐVCNT phải chịu trách nhiệm bồi hoàn khoản tiền đó cho TPBank. Theo đó, TPBank được toàn quyền ghi nợ tài khoản của ĐVCNT tại TPBank để thu hồi số tiền này sau khi thông báo.

ĐIỀU 13. GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT

1. ĐVCNT phải chịu toàn bộ trách nhiệm khi có bất cứ khiếu nại nào của Chủ thẻ phát sinh từ việc thực hiện giao dịch đặc biệt bao gồm Giao dịch huỷ (VOID) và các giao dịch đặc biệt khác theo quy định của TPBank theo từng thời kỳ.
2. Trong trường hợp ĐVCNT muốn thực hiện Giao dịch huỷ (VOID) sau khi đã thực hiện quyết toán giao dịch, ĐVCNT phải liên hệ và thông báo chi tiết bằng văn bản về giao dịch thẻ cần huỷ bỏ cho TPBank để xử lý theo đúng quy định của TPBank.

ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ CHẤP NHẬN THANH TOÁN

1. Quyền của Đơn vị chấp nhận thanh toán

- a. Sử dụng thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ, tính năng chấp nhận thanh toán và các tính năng được TPBank cung cấp trên ứng dụng chấp nhận thanh toán để thực hiện Dịch vụ với hạn mức được TPBank quy định theo từng thời kỳ.

- b. Có quyền khiếu nại, tra soát về các giao dịch, về sai sót, vi phạm (nếu có) phát sinh trong quá trình sử dụng Dịch vụ theo quy định của pháp luật. Khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi cho TPBank trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyền và lợi ích của ĐVCNT bị vi phạm. Quá thời hạn trên, TPBank sẽ không chịu trách nhiệm giải quyết. Trường hợp khiếu nại của ĐVCNT không liên quan đến lỗi của TPBank theo đánh giá của TPBank, ĐVCNT sẽ phải chịu phí phát sinh từ việc xử lý khiếu nại theo quy định của TPBank và chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh/thanh toán cho Chủ thẻ đối với các trường hợp này.
- c. Yêu cầu TPBank cung cấp thông tin tra soát Dịch vụ qua số điện thoại hỗ trợ khách hàng: 1900.58.58.85 hoặc (84.24) 37.683.683 hoặc số điện thoại quy định khác của TPBank theo từng thời điểm;
- d. Các quyền khác liên quan đến các dịch vụ Chấp nhận thanh toán theo quy định từng thời kỳ của TPBank
- e. Các quyền khác theo quy định từng thời kỳ của TPBank và pháp luật.

2. Trách nhiệm của đơn vị chấp nhận thanh toán

- a) ĐVCNT cam kết thực hiện cung cấp các tài liệu chứng minh hoạt động kinh doanh của ĐVCNT là hợp pháp khi ký kết Hợp Đồng này.
- b) Mở tài khoản thanh toán tại TPBank để nhận thanh toán từ việc chấp nhận thẻ.
- c) ĐVCNT chịu trách nhiệm thiết lập thêm các tính năng bảo mật phòng chống bị mất, trộm cắp (tính năng theo dõi vị trí qua GPS, mã hóa ổ đĩa lưu trữ). Đồng thời, ĐVCNT phải quản lý thông tin về số serial và/hoặc phiên bản phần mềm của thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ.
- d) ĐVCNT cam kết thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ và ứng dụng thanh toán không bị bẻ khóa (jailbreaking hoặc rooting)... và tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật theo quy định của TPBank.
- e) ĐVCNT cam kết chỉ sử dụng thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ để thực hiện thanh toán tại địa bàn đã đăng ký.
- f) ĐVCNT cam kết bảo mật các thông tin tên đăng nhập, mật khẩu truy cập ứng dụng thanh toán, giao dịch của người mua hàng và TPBank. Thông báo ngay cho TPBank ngay khi có nghi ngờ có giao dịch gian lận hoặc bị lộ thông tin tên đăng nhập, mật khẩu truy cập, điện thoại di động đang sử dụng dịch vụ thông qua hotline của TPBank.
- g) ĐVCNT chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với việc chấp nhận thanh toán cho các giao dịch do người mua hàng thực hiện qua dịch vụ chấp nhận thanh toán TPBank. Xác nhận việc tài khoản của ĐVCNT thực hiện giao dịch trên ứng dụng thanh toán của TPBank là do người sử dụng đang đại diện cho ĐVCNT thực hiện, chứng tỏ được sự chấp thuận của ĐVCNT đối với nội dung giao dịch mà không được quyền phủ nhận giá trị pháp lý của giao dịch được thực hiện bởi Người sử dụng trong bất kỳ trường hợp nào.

Trong quá trình sử dụng, nếu Người sử dụng gây lộ thông tin hoặc tài khoản của ĐVCNT trên ứng dụng thanh toán của TPBank bị người khác lợi dụng hoặc can thiệp, giả mạo thì ĐVCNT hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh đối với các giao dịch được thực hiện thông qua ứng dụng chấp nhận thanh toán của TPBank.

- h) ĐVCNT cam kết cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác theo yêu cầu của TPBank khi đăng ký sử dụng dịch vụ và trong quá trình sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán TPBank. Nếu ĐVCNT có sự gian lận trong việc sử dụng các giấy tờ pháp lý để đăng ký dịch vụ hoặc TPBank nghi ngờ giao dịch có dấu hiệu gian lận, giả mạo thì TPBank có quyền từ chối cung cấp dịch vụ hoặc chấm dứt việc sử dụng dịch vụ tại bất kỳ thời điểm nào không cần sự đồng ý của ĐVCNT; đồng thời ĐVCNT phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thiệt hại và bồi thường các thiệt hại phát sinh cho TPBank (nếu có).
- i) ĐVCNT phải thông báo cho TPBank bằng văn bản ngay khi có bất cứ thay đổi nào liên quan đến thông tin ĐVCNT đã đăng ký với TPBank như: số tài khoản, địa chỉ, người có thẩm quyền, chủng loại hàng hóa, dịch vụ ĐVCNT cung cấp, ngành nghề kinh doanh và việc chấm dứt hoạt động của ĐVCNT hoặc của bất kỳ một đơn vị trực thuộc nào của ĐVCNT.
- j) ĐVCNT cam kết trực tiếp thương lượng, giải quyết với Chủ thẻ/ Người mua hàng các yêu cầu tra soát, khiếu nại có liên quan đến chất lượng, quy cách hàng hóa (mẫu mã, chất liệu, màu sắc...), dịch vụ do ĐVCNT cung cấp. Trong trường hợp Chủ thẻ từ chối thanh toán một phần hoặc toàn bộ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ cho TPBank do những khiếu nại chưa được giải quyết, ĐVCNT cam kết để TPBank thực hiện quyền truy đòi một phần hoặc toàn bộ số tiền mà TPBank đã thanh toán tạm ứng cho ĐVCNT hoặc đảo chi giao dịch và các chi phí phát sinh (nếu có) theo quy định của Hợp Đồng này.
- k) ĐVCNT phải thông báo ngay lập tức tới TPBank nếu, vì bất kỳ lý do nào, ĐVCNT ngừng chấp nhận Thẻ/QR để Thanh toán hàng hóa, dịch vụ và/hoặc có quyền thông báo việc này với các Tổ chức tín dụng khác, các chủ thẻ và/hoặc các bên liên quan.
- l) ĐVCNT không được phép chuyển giao các quyền của mình tại Hợp Đồng này cho một bên nào khác mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của TPBank.
- m) Việc ngừng chấp nhận thanh toán thẻ của ĐVCNT sẽ không đồng nghĩa với việc chấm dứt các nghĩa vụ chưa thực hiện của các Bên theo Hợp Đồng này. Các Bên sẽ vẫn chịu sự điều chỉnh của Hợp Đồng này cho tới khi các Bên hoàn tất các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.
- n) ĐVCNT có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản phí đã cam kết với TPBank đồng thời ủy quyền cho TPBank được trích thu phí từ tài khoản của ĐVCNT mở tại ngân hàng.
- o) ĐVCNT ủy quyền cho TPBank tự động trích nợ Tài khoản thanh toán của ĐVCNT tại TPBank để thu phí giao dịch, các loại phí liên quan đến Dịch vụ của ĐVCNT theo ĐKĐK này, quy định của TPBank, quy định của pháp luật
- p) Trong quá trình sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán của TPBank, ĐVCNT đồng ý nhận thư điện tử, tin nhắn, cuộc gọi với mục đích quảng cáo, thông báo sản phẩm dịch vụ và/hoặc bất kỳ thông tin nào khác từ TPBank
- q) Cung cấp các hóa đơn, chứng từ giao dịch thẻ tại ĐVCNT theo quy định của TPBank hoặc trong các trường hợp cần thiết nhằm kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của giao dịch thẻ.
- r) Các nghĩa vụ khác theo quy định từng thời kỳ của TPBank và pháp luật.

ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TPBANK

1. Quyền của TPBank

- a) TPBank có quyền chấm dứt/từ chối việc thực hiện/cung cấp Dịch vụ vì bất kỳ lý do gì mà không cần báo trước, khi TPBank thấy là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp TPBank xác định:
- Người mua hàng và/ hoặc ĐVCNT vi phạm quy định tại Điều khoản Điều kiện này, quy định của TPBank hoặc của pháp luật về việc sử dụng Dịch vụ.
 - Người mua hàng và/ hoặc ĐVCNT không đáp ứng đầy đủ các điều kiện để sử dụng Dịch vụ, không tuân thủ nội dung Giấy đăng ký kèm Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán đã ký.
 - Các trường hợp TPBank đánh giá liên quan đến giả mạo và rủi ro, giao dịch có nội dung trái với quy định pháp luật.
- b) TPBank có quyền thực hiện việc gửi thư điện tử, tin nhắn, gọi điện cho ĐVCNT với nội dung, số lượng, thời điểm, thời hạn và các yếu tố khác theo toàn quyền quyết định của TPBank, phù hợp với mục đích và nội dung của Dịch vụ mà TPBank cung cấp.
- c) TPBank được quyền tự động trích nợ Tài khoản thanh toán của ĐVCNT tại TPBank để thu phí giao dịch, các loại phí liên quan đến Dịch vụ của ĐVCNT khi thực hiện Dịch vụ phù hợp với quy định của TPBank và pháp luật.
- d) TPBank có quyền yêu cầu ngừng/chấm dứt việc sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ của ĐVCNT mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì khi:
- i. Nếu sau 90 ngày từ ngày khởi tạo dịch vụ trên hệ thống (trừ trường hợp ĐVCNT đã gia hạn thời hạn nhận thiết bị) và cấp tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập cho ĐVCNT, TPBank vẫn không thể thực hiện gửi thiết bị cho ĐVCNT do nguyên nhân từ ĐVCNT hoặc ĐVCNT chủ động từ chối nhận thiết bị.
 - ii. ĐVCNT có dấu hiệu/hành vi gian lận, giả mạo, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán khống tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ), vi phạm các nghĩa vụ theo Điều khoản, Điều kiện này và vi phạm các quy định khác về thanh toán thẻ của TPBank, TCTTT, TCTQT hoặc quy định pháp luật.
 - iii. ĐVCNT thay đổi hình thức kinh doanh, mặt hàng kinh doanh, ngành nghề kinh doanh nhưng không thông báo trước cho TPBank ít nhất 05 ngày làm việc.
 - iv. Trong trường hợp TPBank phát hiện ĐVCNT kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trái phép, theo quy định của Nhà nước/pháp luật và các tổ chức thanh toán thẻ/tổ chức chuyển mạch thẻ/TCTQT; ĐVCNT có hành vi thanh toán hoặc bất cứ hành vi nào vi phạm quy định của pháp luật/của Hợp Đồng này hoặc ĐVCNT bị các cơ quan nhà nước tiến hành điều tra, khởi tố. TPBank có quyền đơn phương đóng ĐVCNT ngay lập tức và phong tỏa/tạm khóa tài khoản của ĐVCNT tại TPBank để phòng ngừa và khắc phục các sự cố phát sinh (nếu có).
 - v. ĐVCNT hoạt động không hiệu quả theo kết quả rà soát đánh giá định kỳ của TPBank.

- vi. ĐVCNT không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các loại phí liên quan đến dịch vụ chấp nhận thanh toán TPBank
- e) TPBank có quyền tạm khóa tài khoản của ĐVCNT, từ chối thanh toán hoặc truy đòi một phần hoặc toàn bộ các khoản đã tạm ứng hoặc tự động trích nợ tài khoản của ĐVCNT hoặc đảo chi để hoàn trả/bồi thường/thanh toán chi phí/thiệt hại... đối với các giao dịch thực hiện tại ĐVCNT trong các trường hợp sau:
 - i. Giao dịch có hóa đơn thanh toán không hợp lệ. Hóa đơn thanh toán hợp lệ là các hóa đơn thanh toán đáp ứng đầy đủ quy định của Điều khoản, điều kiện này, cũng như quy định của TPBank và các quy định của pháp luật hiện hành.
 - ii. Giao dịch thẻ được thực hiện cho mục đích thanh toán không phù hợp với loại hình kinh doanh của ĐVCNT đã đăng ký với TPBank.
 - iii. Giao dịch thẻ được thực hiện với số tiền giao dịch, thời gian giao dịch, tần suất giao dịch bất thường đối với loại hình kinh doanh ĐVCNT đã đăng ký với TPBank.
 - iv. ĐVCNT có hành vi gian lận, không thực hiện theo đúng hướng dẫn và quy định của Điều khoản, Điều kiện này, cũng như các quy định của TPBank đã được thông báo cho ĐVCNT bằng hình thức TPBank cho là phù hợp.
 - v. Giao dịch thẻ không có số chuẩn chi hoặc số chuẩn chi trên Hóa đơn thanh toán thẻ không trùng với số chuẩn chi do TPBank cung cấp.
 - vi. TPBank đã từ chối yêu cầu cấp phép/ chuẩn chi nhưng ĐVCNT vẫn chấp nhận thanh toán Giao dịch thẻ.
 - vii. Giao dịch thẻ mà ĐVCNT xuất trình chứng từ chậm so với quy định của TPBank.
 - viii. Giao dịch liên quan đến khiếu nại, tra soát của Chủ thẻ mà TPBank không thể đòi tiền được do ĐVCNT đã cung cấp hàng hóa dịch vụ cho Chủ thẻ.
 - ix. Giao dịch thẻ được TPBank/TCTQT/Tổ chức chuyển mạch thẻ/TCTTT khác/cơ quan nhà nước có thẩm quyền... xác định liên quan đến giả mạo và/hoặc có nghi ngờ bị giả mạo.
 - x. TPBank thanh toán thừa cho ĐVCNT do lỗi của hệ thống kỹ thuật hoặc các lý do khác ngoài khả năng kiểm soát của TPBank.
 - xi. Trong trường hợp TPBank yêu cầu ĐVCNT giữ lại Thẻ của Chủ thẻ, ĐVCNT cần thực hiện yêu cầu bằng biện pháp an toàn. TPBank không chịu trách nhiệm với bất cứ khiếu nại nào về thương tổn tới con người, tài sản của Chủ thẻ cũng như ĐVCNT phát sinh trong quá trình thu giữ Thẻ.
- f) Quyền truy đòi đầy đủ được hiểu là việc TPBank có toàn quyền thu hồi toàn bộ hoặc một phần khoản tiền đã thanh toán cho ĐVCNT theo quy định Điều khoản, Điều kiện này, các loại phí liên quan đến hoạt động thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ và các chi phí phát sinh (nếu có) bằng cách ghi nợ tài khoản của ĐVCNT mở tại TPBank hoặc trừ vào lần thanh toán tạm ứng kế tiếp cho ĐVCNT. Trong trường hợp tài khoản của ĐVCNT không có số dư hoặc không đủ số dư để ghi nợ, TPBank vẫn tiếp tục ghi nợ tài khoản của ĐVCNT bất cứ khi nào số tiền trong tài khoản của ĐVCNT phát sinh số dư; hoặc TPBank có thể gửi thông báo truy đòi ĐVCNT, ĐVCNT phải thực hiện việc

hoàn trả bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản tới tài khoản của TPBank trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo truy đòi của TPBank. Quyền truy đòi đầy đủ của TPBank giữ nguyên giá trị ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

g) Các quyền khác theo quy định từng thời kỳ của TPBank và pháp luật.

2. Trách nhiệm của TPBank

- a) Phối hợp với ĐVCNT thực hiện kiểm tra, đối soát dữ liệu giao dịch khi phát sinh khiếu nại hoặc đề nghị tra soát từ ĐVCNT.
- b) Cung cấp đầy đủ thông tin định kỳ, đột xuất về các giao dịch nếu có yêu cầu của ĐVCNT;
- c) Công bố các loại phí và mức phí cho ĐVCNT trước khi ĐVCNT sử dụng Dịch vụ (nếu có);
- d) TPBank được miễn trách nhiệm đối với mọi rủi ro xảy ra liên quan đến các giao dịch do người mua hàng thực hiện thông qua Ứng dụng thanh toán của TPBank, bao gồm không giới hạn các rủi ro liên quan đến chất lượng hàng hóa, dịch vụ, đối tác của ĐVCNT.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định từng thời kỳ của TPBank và pháp luật

ĐIỀU 16. BẢO MẬT THÔNG TIN

1. ĐVCNT đồng ý rằng tất cả các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn thông tin trên Thẻ/ mã QR, trên Ứng dụng thanh toán, thông tin của Hợp Đồng này, các thông tin liên quan đến Chủ thẻ, giao dịch thẻ tại ĐVCNT, các tài liệu, thông tin liên quan đến Dịch vụ.... ĐVCNT cam kết bảo mật các thông tin này trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này và cả khi Hợp Đồng chấm dứt với sự nghiêm túc cao nhất, không sử dụng thông tin cho lợi ích riêng của mình và để lộ thông tin cho bên thứ ba nào khác trừ khi có sự đồng ý của TPBank và/hoặc theo yêu cầu của pháp luật.
2. ĐVCNT có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản và mật khẩu truy cập các ứng dụng thanh toán của TPBank sau khi tiếp nhận từ TPBank. ĐVCNT tự chịu hoàn toàn trách nhiệm cho những thiệt hại phát sinh do để lộ thông tin tài khoản và mật khẩu này.
3. ĐVCNT không bán, mua, cung cấp hoặc trao đổi thông tin về hoạt động thanh toán của Người mua hàng, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về số thẻ và các thông tin khác trên thẻ cho bất kỳ bên thứ ba trừ khi có sự đồng ý của Người mua hàng, của TPBank và/hoặc theo yêu cầu của pháp luật.
4. ĐVCNT đảm bảo tất cả các bản sao hóa đơn thanh toán phát sinh tại ĐVCNT phải được lưu giữ an toàn nhằm tránh các đối tượng khác sử dụng những thông tin này để thực hiện những hành vi giả mạo hoặc vi phạm pháp luật.
5. ĐVCNT đồng ý cho phép TPBank cung cấp tên và địa chỉ, hình ảnh của các địa điểm kinh doanh khác nhau của ĐVCNT trên các tờ hướng dẫn giới thiệu và những tài liệu khác của TPBank có liên quan tới dịch vụ.
6. Khi TPBank xét thấy hợp lý và/hoặc cần sự đề phòng trước các hành động giả mạo, ĐVCNT cam kết đồng ý để TPBank tiết lộ cho các bên liên quan khác thông tin về ĐVCNT mà không yêu cầu bất cứ sự bồi thường hoặc đền bù thiệt hại nào từ phía TPBank do việc tiết lộ thông tin nói trên.
7. ĐVCNT tuân thủ các yêu cầu về bảo mật thông tin do TPBank cung cấp cho ĐVCNT theo quy định tại Hợp Đồng này và tự chịu trách nhiệm với các tổn thất xảy ra do việc để lộ, mất cắp thông tin

dữ liệu Thẻ phát sinh tại ĐVCNT, chịu trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho TPBank nếu ĐVCNT vi phạm Điều khoản này.

ĐIỀU 17. SỬA ĐỔI NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN

1. TPBank được quyền sửa đổi/bổ sung/thay thế nội dung Điều khoản, Điều kiện này và quy định của TPBank về dịch vụ chấp nhận thanh toán vào bất kỳ thời điểm nào TPBank cho là phù hợp. TPBank sẽ thông báo đến ĐVCNT bằng một trong các phương thức TPBank lựa chọn, bao gồm nhưng không giới hạn gửi tin nhắn đến số điện thoại, gửi email đến địa chỉ email của ĐVCNT đã đăng ký với TPBank, niêm yết tại trụ sở giao dịch hoặc thông báo trên website của TPBank.
2. Trong trường hợp nếu ĐVCNT không đồng ý với các nội dung sửa đổi/bổ sung/thay thế Điều khoản, Điều kiện này, ĐVCNT có quyền yêu cầu chấm dứt sử dụng Dịch vụ sau 10 ngày làm việc kể từ khi có thông báo bằng văn bản tới TPBank. Trường hợp ĐVCNT tiếp tục sử dụng dịch vụ sau thời điểm những sửa đổi/bổ sung/thay thế nội dung Điều khoản, Điều kiện này có hiệu lực, được hiểu là ĐVCNT đồng ý và chịu sự ràng buộc đối với các sửa đổi/bổ sung/thay thế này của Điều khoản, Điều kiện này.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KHOẢN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐVCNT phải thực hiện bồi thường cho TPBank theo quy định nếu không tuân thủ đúng quy định tại Hợp Đồng này và tại các văn bản, thông báo bổ sung đã được TPBank gửi cho ĐVCNT. Nếu phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện, Các bên sẽ cùng nhau trực tiếp thương lượng giải quyết. Nếu không tự thỏa thuận được thì Các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Bên. Án phí và các chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 19. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Điều khoản, Điều kiện này là phần không thể tách rời của Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank, có hiệu lực kể từ ngày TPBank chấp thuận trên Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank cho đến khi ĐVCNT chấm dứt sử dụng dịch vụ và thông báo chấm dứt dịch vụ của ĐVCNT được TPBank chấp thuận, hoàn tất xử lý.
2. Trừ trường hợp chấm dứt Dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 15, TPBank được quyền chấm dứt Hợp Đồng sau 10 ngày làm việc kể từ khi có thông báo bằng văn bản/email gửi ĐVCNT.
3. ĐVCNT chịu trách nhiệm thanh toán mọi giao dịch, chi phí phát sinh, thiệt hại (nếu có) liên quan đến Dịch vụ, chịu trách nhiệm xử lý các yêu cầu yêu cầu tra soát, khiếu nại có liên quan đến chất lượng hàng hóa, dịch vụ do ĐVCNT cung cấp trước khi văn bản thông báo chấm dứt dịch vụ của ĐVCNT được TPBank hoàn tất xử lý.
4. Việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn hoặc vì bất kỳ lý do nào và/hoặc việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của ĐVCNT sẽ không có nghĩa là chấm dứt các nghĩa vụ mà ĐVCNT chưa hoàn thành theo quy định của Hợp Đồng này. ĐVCNT có trách nhiệm:
 - a) Thực hiện thanh toán tất cả các khoản nợ với TPBank theo quy định tại Điều kiện, Điều khoản này;

- b) Giải quyết các tranh chấp khiếu nại phát sinh liên quan đến các giao dịch được thực hiện tại ĐVCNT.